

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CH ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HS-ST
Ngày: 27/11/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CH ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ch Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ch Đốc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ch Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn Đ, sinh năm 1986; nơi sinh: An Phú – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 19, ấp V, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (chết) và bà Đỗ Thị Q (chết); vợ Trần Thị L, sinh năm 1987; con Trần Thanh D, sinh năm 2009;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 23/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Ch Phú quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 24/12/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Văn B1 (X), sinh năm 1989; nơi sinh: Ch Phú – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: ấp B, thị trấn D, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn G, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Tr, sinh năm 1965; chưa có vợ con;

Tiền án: chưa;

Tiền sự: Ngày 01/12/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu, huyện Ch Phú, tỉnh An Giang Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, chấp hành xong ngày 03/3/2017. Ngày 07/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Ch Phú Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, chấp hành xong ngày 27/4/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lý Hải L, sinh năm 1983; nơi sinh: Ch Phú – An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: ấp V, thị trấn F, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha ông Lý Ngh, sinh năm 1961 và mẹ bà Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1963; vợ là Trần Thị Cẩm T, có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Huỳnh T, sinh năm 1995; nơi sinh: Ch Đốc–An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; cha ông Phạm Phi L1, sinh năm 1968 và mẹ bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1972; chưa có vợ con;

Tiền án: Chưa;

Tiền sự: Ngày 29/7/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Ch Đốc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, chấp hành xong ngày 11/10/2016. Ngày 05/11/2017, bị Công an phường Núi Sam, thành phố Ch Đốc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 21, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962, nơi cư trú: tổ 07, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 02, khóm U, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;
- Ông Đặng Ngọc L1, sinh năm 1961, nơi cư trú: số 272 H, khóm 6, phường Y, TP D, tỉnh An Giang, vắng mặt.
- Bà Đỗ Thị Cẩm T1, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ 19, ấp V, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970. nơi cư trú: tổ 01, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người làm chứng:

- Ông Tạ Phi H2, vắng mặt;
- Bà Lâm Thanh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Chiều ngày 06/8/2018, do nghiện ma túy nên L và Đ đến phường Núi Sam, thành phố Ch Đốc, tỉnh An Giang tìm mua ma túy sử dụng thì gặp B1 và T (đã quen biết trước). Sau khi cùng nhau mua và sử dụng ma túy tại ngã ba Bờ sáng thuộc tổ 01, khóm V, phường N. Đ biết bà Đỗ Thị Ch (dì ruột của Đ, ở khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam) đi du lịch và giao nhà cho ông H (là người cùng xóm với bà Ch) giữ hộ, nên Đ rủ B1, L, T cùng vào nhà bà Ch trộm cắp tài sản bán, chia nhau và cùng sử dụng ma túy, tất cả đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ, T cảnh giới để cho B1 và L đột nhập vào nhà bà Ch qua lam thông gió nhà vệ sinh, lấy trộm: tiền 270.000 đồng, 02 đồng hồ đeo tay, 01 máy tính bảng, 01 máy tính xách tay, 01 máy chụp hình, 01 cái túi xách và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của ông H.

Ngày 07/8/2018, T bán máy chụp hình cho ông Đặng Ngọc L1 giá 350.000 đồng; bán máy tính bảng và máy tính xách tay cho Nguyễn Minh H1 giá 400.000 đồng, trả tiền thuê xe Honda đầu cho ông Nguyễn Văn Th 150.000 đồng, phần còn lại cùng Đ mua ma túy sử dụng; T ném bỏ túi xách xuống bờ kinh (không thu hồi được); số tiền 270.000 đồng T mua ma túy cùng Đ, B1, L sử dụng. Riêng điện thoại NOKIA do B1 lấy điện thoại theo trả tiền thuê xe cho người chạy xe honda đầu (không biết họ tên, địa chỉ, không thu hồi được); giao nộp 02 đồng hồ đeo tay cho cơ quan Công an.

Vụ án được phát hiện, ngày 11/8/2018, Đ đầu thú; Cơ quan Điều tra làm rõ, khởi tố, tạm giam, để điều tra, xử lý đối với Đ, B1, L và T.

Vật chứng thu giữ: 01 máy chụp ảnh, nhãn hiệu SONY; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Pad 7; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 01 đồng hồ đeo

tay nhãn hiệu OMEGA; 01 đồng hồ đeo tay, mặt đồng hồ hình DOREMON (đã trả lại cho bị hại Đỗ Thị Ch).

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 237, 237a ngày 11/8/2018 và ngày 13/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - thành phố Ch Đốc:

01 điện thoại di động hiệu NoKia (của bị hại Nguyễn Văn H bị mất trộm, không thu hồi được) trị giá 50.000 đồng. Tài sản của bị hại Đỗ Thị Ch bị mất trộm gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Pad 7, trị giá 600.000 đồng; 01 máy chụp ảnh nhãn hiệu SONY, trị giá 600.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OMEGA, trị giá 150.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay, mặt hình DOREMON trị giá 150.000 đồng; 01 túi xách vải, trị giá 20.000 đồng và tiền mặt 270.000 đồng. Tổng trị giá 2.840.000 đồng.

Ngày 11/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Ch Đốc đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T về tội trộm cắp tài sản.

Cáo trạng số 86/CT-VKS-CD ngày 05/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ch Đốc đã truy tố bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

* Các bị cáo Đ, B1, L và T khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố.

* Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và kiểm chứng tại phiên tòa hôm nay nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ch Đốc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có các hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Đ, B1, L và T không tiền án; L không tiền sự; Đ 01 tiền sự; B1 và T, mỗi người có 02 tiền sự. Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, góp phần sớm kết thúc điều tra, xử lý vụ án; Đ đầu thú; B1 tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt, bị nhiễm HIV nên các bị cáo đủ điều kiện được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm. Bị cáo Đ là người rủ rê và cùng T cảnh giới, L và B1 trực tiếp đột nhập vào nhà bị hại Ch lấy trộm tài sản. Bị cáo T đem tài sản đi tiêu thụ và mua ma túy sử dụng cùng Đ. Xét thấy, Bị cáo Đ là người rủ rê, thực hành phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, Đ ra đầu thú, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án (khai ra các đồng phạm khác). Vì vậy, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L, Phạm Huỳnh T: từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về Hình phạt bổ sung: các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh H1 yêu cầu được trả lại khoản tiền giao dịch 400.000 đồng. Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị tòa tuyên buộc 04 bị cáo có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông H1 400.000 đồng.

Đối với Nguyễn Minh H1, Đặng Văn L1 khi mua tài sản không biết do trộm cắp mà có, tuy không xử lý, nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bị cáo Đ, B1, L, T bị Cơ quan điều tra - Công an thành phố Ch Đốc khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Ch Đốc, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ch Đốc.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thành phố Ch Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ch Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T cùng khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 06/8/2018, sau khi các bị cáo sử dụng chất ma túy xong tại ngã ba Bờ Sáng thuộc phường Núi Sam. Đ nảy sinh ý định trộm tài sản và rủ B1, L, T cùng thực hiện. B1, L và T đồng ý, các bị cáo đến nhà của bà Ch thuộc khu vực tổ 21, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, do Đ biết mặt bà Ch và ông H, nên Đ và T đứng bên ngoài cảnh giới, L và B1 đột nhập vào nhà qua lam thông gió nhà vệ sinh. L, B1 lấy trộm trong tủ kính đặt ở khu nhà bếp 01 máy tính bảng hiệu Pad 7, 01 máy tính xách tay màu đen, 01 máy chụp ảnh hiệu Sony và 01 đồng hồ đeo tay có in hình Doremon rồi cho cả vào túi xách màu đen. B1 đi ra nhà trước thấy điện thoại di động hiệu Nokia đang ghim sặc trên bàn và đồng hồ đeo tay hiệu Omega, B1 cất trong túi quần. Riêng L vào phòng ngủ của bà Ch tìm thấy tủ sắt lấy trộm bao lì xì bên trong có 270.000 đồng số tiền này L đưa cho T mua ma túy sử dụng chung. 02 đồng hồ đeo tay và điện thoại di động Nokia, B1 cất giữ. Riêng máy tính xách tay, máy ảnh và máy tính bảng, B1 đưa cho T cất giữ. Sáng ngày 07/8/2018, T đem máy ảnh đến tiệm chụp ảnh Ngọc Thảo bán cho ông Đặng Ngọc L1 được 350.000 đồng; máy tính xách tay và máy tính bảng đến bán cho ông Nguyễn Minh H1 chủ tiệm điện thoại “H1” được 400.000 đồng. Số tiền này T, Đ cùng nhau mua ma túy sử dụng hết.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 11/8/2018; Biên

bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/8/2018, kết luận định giá tài sản số 237/KL-ĐG, số 237a/KL-ĐG ngày 11 - 13/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản

trong tố tụng hình sự - thành phố Ch Đốc; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đủ cơ sở xác định, các bị cáo Đ, B1, L, T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Ch và ông H trị giá 2.840.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Xét, cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] Đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, Đ là người rủ rê, khởi xướng; các bị cáo có sự phân công trong việc để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không cấu kết chặt chẽ, Đ và T cảnh giới để B1, L vào nhà lấy trộm. Bị cáo T đem tài sản đi tiêu thụ và mua ma túy sử dụng cùng Đ.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo Đ đầu thú; bị cáo B1 tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt, bị nhiễm HIV là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Các tài sản thu giữ đã giao trả cho bị hại Đỗ Thị Ch nên không đề cập giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Ch, ông H không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh H1 khai, khi mua tài sản của bị cáo T, ông H1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, yêu cầu được nhận lại số tiền giao dịch 400.000 đồng.

Xét, tài sản (bán máy tính xách tay và máy tính bảng) giao dịch giữa bị cáo T và ông H1, tài sản này do các bị cáo Đ, B1, L, T cùng thực hiện hành vi trộm cắp mà có. Do đó, việc giao dịch mua bán tài sản giữa ông H1 và bị cáo T là vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng mua bán nêu trên vô hiệu. Căn cứ, Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 117, Điều 123, Điều 131 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông H1 số tiền 400.000 đồng.

[6] Đối với hành vi của ông Đặng Ngọc L1 và ông Nguyễn Minh H1 khi mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết tài sản do trộm cắp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, cũng cần nhắc nhở ông L, ông H1 khi mua tài sản phải biết rõ nguồn gốc để sớm tố giác tội phạm.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đ, B1, L, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo liên đới phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1 (X), Lý Hải L và Phạm Huỳnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Dương Văn Đ: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Xử phạt: Triệu Văn B1 (X): 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Huỳnh T: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Xử phạt: Lý Hải L: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo được tính kể từ ngày 11/8/2018 (ngày mười một, tháng tám, năm hai ngàn không trăm mười tám).

Căn cứ, Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 117, 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H1 số tiền 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng.

Áp dụng Điều 135, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Triệu Văn B1, Lý Hải L và Phạm Huỳnh T đồng liên đới phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Đ, B1, L và T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Quang Chân